

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ IV. Địa chỉ: số 296 Nguyễn Văn Đậu, Phường Bình Lợi Trung, Tp. Hồ Chí Minh Mã số thuế: 0301464767 Số tài khoản: 9527.1.1119511 Mở tại: Kho bạc Nhà nước khu vực II Điện thoại: 0946290872 Fax: (028) 35161065 Email: vanthanhkhdt@gmail.com Đại diện uỷ quyền (nếu có):
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm 02 gói thầu xây dựng (Gói thầu số 3: Thi công xây dựng và Gói 4A: Sửa chữa công trình) thuộc Dự án: Sửa chữa nền, mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km107+778 - Km118+500; Sửa chữa hệ thống thoát nước các đoạn: Km108+050 - Km109+300 (P), Km108+050 - Km108+465 (T), Km108+600 - Km109+300 (T), Km113+900 - Km114+100 (P), Km114+300 - Km114+570 (P), Km115+650 - Km116+044 (P), Quốc lộ 30, tỉnh Đồng Tháp.
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: theo Quyết định phê duyệt dự án. Được xác định trong bản vẽ số: kèm theo Quyết định phê duyệt dự án.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 120 ngày kể từ ngày thông báo thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 120 ngày kể từ ngày thông báo thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: ngày được nêu trong Thông báo thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: Địa chỉ: Mã số thuế: Số tài khoản: Điện thoại: Fax: Email:
E-ĐKC 1.29	Tư vấn giám sát là: Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email: Tư vấn quản lý dự án: Địa chỉ: Điện thoại:

	Fax: Email
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Theo quy định tại E-ĐKC 1.16 và E-ĐKC 1.17.
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng (Thông số kỹ thuật, Hồ sơ, bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, mô tả công việc mời thầu nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu,); - Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; - Biên bản hoàn thiện hợp đồng; - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; - E-HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu; - E-HSMT và các tài liệu bổ sung HSMT (nếu có); - Các tài liệu khác có liên quan (Bảo đảm thực hiện Hợp đồng; Bảo lãnh tiền tạm ứng;...)
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 05 % giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Nhà thầu nộp cho Chủ đầu tư trước khi ký kết hợp đồng. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả cho Nhà thầu bảo đảm thực hiện hợp đồng khi Nhà thầu đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày , kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày , trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 03 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà thầu đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày , kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng [Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT].
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: - Nhà thầu phụ phải có tên trong E-HSDT ban đầu.

	- Nhà thầu chỉ được ký kết hợp đồng thầu phụ đúng với năng lực hành nghề, năng lực hoạt động của nhà thầu phụ theo quy định của pháp luật. - Nhà thầu không được giao nhà thầu phụ thực hiện phần công việc vượt quá tỷ lệ tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng. - Nhà thầu không được giao nhà thầu phụ thực hiện phần công việc chưa vượt mức tỷ lệ tối đa dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà chưa được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận. - Nội dung hợp đồng thầu phụ phải đáp ứng yêu cầu là thống nhất, đồng bộ với nội dung hợp đồng Nhà thầu đã ký với Chủ đầu tư.
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: - Đối với công trình, hạng mục công trình được cải tạo, sửa chữa làm thay đổi quy mô, công suất, công năng, kết cấu chịu lực chính trong danh mục quy định tại Phụ lục XI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư, đã được tính vào giá gói thầu và giao Nhà thầu thực hiện, Nhà thầu có trách nhiệm mua bảo hiểm đối với các hạng mục này và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để được bồi thường (khi xảy ra). Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp Nhà thầu không thực hiện những thủ tục trên. Trường hợp Nhà thầu được bồi thường thì Nhà thầu phải chịu mức khấu trừ theo quy định của Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm. - Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ 3 trước khi triển khai thi công theo quy định và đảm bảo rằng Chủ đầu tư không phải chịu trách nhiệm mọi yêu cầu bồi thường từ bất kỳ một bên thứ ba nào cho tất cả mọi tai nạn hoặc rủi ro nào xảy ra trên công trường trong phạm vi thực hiện hợp đồng của Nhà thầu. Nhà thầu phải tự chủ động nghiên cứu điều kiện thực tế để có giải pháp thi công phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến công trình lân cận trong suốt quá trình thi công, không chỉ giới hạn như thi công khoan cọc, lu rung, hoạt động của máy móc thiết bị,... gây ra chấn động, dịch chuyển kết cấu có thể dẫn đến nứt, sụt lún, hư hỏng nhà ở, công trình lân cận. Để đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình, trong trường hợp thi công qua các khu dân cư, các thiết bị thi công có gây chấn động như lu rung, đóng cọc, khoan nhồi, ... làm ảnh hưởng đến các công trình liền kề thì Nhà thầu phải có giải pháp thi công và tự huy động các thiết bị thi công thay thế khác có tính năng phù hợp. Trường hợp nếu có phát sinh hư hỏng, tổn thất phải bồi thường do các yếu tố và nguyên nhân trên, Nhà thầu phải có trách nhiệm bồi thường cho bên bị thiệt hại (nếu có) bằng nguồn kinh phí của mình để đảm bảo tiến độ thi công liên tục và không bị gián đoạn, hoặc Nhà thầu có giải pháp khắc phục trong quá trình thực hiện thi công dự án. Việc chậm trễ tiến độ do các vướng mắc về bảo hiểm không phải là lý do khách quan trong việc đánh giá vi phạm tiến độ thực hiện gói thầu (trừ trường hợp bất khả kháng).
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: 24 tháng
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Được nêu tại Hồ sơ dự án được duyệt và được đính kèm trong E-HSMT.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Khi có thông báo hoặc bàn giao mặt bằng của đại diện chủ đầu tư/ đại diện Chủ đầu tư.

E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: các bên tự thương lượng, hòa giải trong vòng 45 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Giải quyết tranh chấp: khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa giải. Trong trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Toà án) theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài (hoặc Toà án) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: là ngày trong văn bản thông báo thực hiện hợp đồng của Chủ đầu tư gửi Nhà thầu (đủ các điều kiện khách quan để Nhà thầu triển khai thực hiện). Nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục xin thỏa thuận thi công theo quy định của pháp luật và có được thỏa thuận/giấy phép thi công của cơ quan có thẩm quyền cho gói thầu. Chủ đầu tư sẽ ưu tiên, hỗ trợ ở mức cao nhất có thể cho Nhà thầu trong thực hiện thủ tục xin thỏa thuận thi công, nhưng trách nhiệm chính và cuối là thuộc Nhà thầu. Nhà thầu phải đảm bảo để đáp ứng điều kiện khởi công theo quy định tại Điều 107 Luật Xây dựng; việc Nhà thầu không đáp ứng các điều kiện khởi công trong thời hạn 07 ngày sẽ bị coi là nhà thầu đang vi phạm hợp đồng với Chủ đầu tư. - Ngày hoàn thành dự kiến: 120 ngày kể từ ngày khởi công.
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết bao gồm đầy đủ nội dung theo quy định và phù hợp với E-HSMT. Tiến độ thực hiện hợp đồng phải thể hiện các mốc tiến độ các hạng mục công việc chính của gói thầu (thời gian chuẩn bị, thời gian khởi công, thời gian hoàn thành). Đối với hợp đồng thi công xây dựng của gói thầu có quy mô lớn, thời gian thực hiện dài, thì Chủ đầu tư có thể yêu cầu lập tiến độ thi công cho từng giai đoạn. Biểu tiến độ phải thể hiện từng mũi thi công độc lập (của Nhà thầu độc lập hoặc của từng thành viên liên danh trong Liên danh Nhà thầu - nếu triển khai thi công độc lập). Biểu tiến độ thi công chi tiết được chấp thuận là cơ sở quản lý và xử lý vi phạm hợp đồng nêu trên. Trường hợp Nhà thầu bị chậm tiến độ, Nhà thầu phải lập, trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật để bù đắp thời gian bị chậm theo cam kết của Nhà thầu. Trường hợp Nhà thầu không thực hiện việc lập biểu tiến độ chi tiết đúng hạn thì Chủ đầu tư, Bên mời thầu có văn bản phê bình, nhắc nhở với Nhà thầu.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: trong vòng 07 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu, Nhà thầu phải cập nhật biểu tiến độ thi công chi tiết và trình Chủ đầu tư chấp thuận. Trường hợp Nhà thầu không thực hiện việc cập nhật biểu tiến độ thi công chi tiết đúng hạn thì Chủ đầu tư có văn bản phê bình, nhắc nhở với Nhà thầu. Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: khoảng 0,1% (19.846.683 VND) giá trị hợp đồng cho mỗi ngày nộp muộn.

E-ĐKC 30.7

Các trường hợp khác:

1. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải thỏa thuận về các trường hợp được điều chỉnh tiến độ. Trường hợp thời hạn hoàn thành chậm hơn so với tiến độ của gói thầu, các bên phải xác định rõ trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm tiến độ gây ra.

2. Tiến độ thực hiện hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;

- Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;

- Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra;

- Do việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra;

- Do ảnh hưởng của mùa mưa kéo dài (thời tiết bất lợi) và vượt quá thời gian mưa trung bình năm gần nhất (phải có tài liệu chứng lượng mưa trung bình năm của khu vực công trình).

- Do lỗi vi phạm của Nhà thầu và sau khi đã được người có thẩm quyền chấp thuận gia hạn thời gian thực hiện gói thầu.

3. Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng nhưng không vượt thời gian thực hiện dự án thì Chủ đầu tư và Nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ mà vượt quá thời gian thực hiện dự án được phê duyệt thì Chủ đầu tư phải báo cáo Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

4. Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

5. Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

- Chủ đầu tư, Nhà thầu căn cứ yêu cầu tạm dừng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

- Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

6. Trường hợp nhà thầu vi phạm về tiến độ, chất lượng, ATGT, ATLĐ, VSMT... bị Chủ đầu tư, cơ quan quản lý có văn bản tạm dừng thi công. Việc tạm dừng thi công này không được làm ảnh hưởng đến mốc hoàn

	thành của hợp đồng. Nhà thầu phải có biện pháp đẩy nhanh tiến độ để bù vào thời gian bị đình chỉ do lỗi chủ quan của nhà thầu. 7. Trường hợp thi công các hạng mục, kết cấu chịu lực liên quan tới nhau nhưng do các thành viên liên danh cùng thực hiện (như nền, móng mặt đường...), nếu hạng mục không đảm bảo chất lượng thuộc trách nhiệm thành viên liên danh nào thì thành viên đó phải chịu trách nhiệm khắc phục những hạng mục không đảm bảo chất lượng đó. Đồng thời các thành viên liên danh cùng có trách nhiệm phối hợp để khắc phục nhằm đảm bảo chất lượng tổng thể công trình, không làm ảnh hưởng đến tiến độ chung của gói thầu. 8. Trường hợp có hạng mục không đảm bảo chất lượng mà không phân định được trách nhiệm giữa các Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ thuê Tư vấn độc lập để kiểm định chất lượng, thí nghiệm đối chứng. Đánh giá nguyên nhân và kết luận của Tư vấn là cơ sở để các Nhà thầu xác định trách nhiệm phải khắc phục. Chi phí chi trả cho Tư vấn sẽ được khấu trừ qua giảm trừ kinh phí của Nhà thầu (theo tỷ lệ giữa các thành viên liên danh). 9. Nhà thầu phải thực hiện nghiêm túc, đầy đủ nội dung yêu cầu theo chỉ đạo tại về tăng cường công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ và về tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình, an toàn lao động. 10. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải thực hiện công tác đảm bảo ATGT, ATLĐ và VSMT, cụ thể: - Lập biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, kế hoạch tổng hợp về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định, trình TVGS/Chủ đầu tư chấp thuận trước khi triển khai thi công; - Phải bố trí cán bộ có chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện công tác quản lý an toàn lao động; - Công nhân và cán bộ thi công tại công trường phải mặc trang phục có tên hoặc logo của Nhà thầu, có đầy đủ trang bị bảo hộ lao động đáp ứng các yêu cầu về an toàn lao động theo quy định (giày, mũ, dây an toàn, găng tay...). - Tổ chức tập huấn, phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ, công nhân và các đối tượng có liên quan trên công trường về các biện pháp đảm bảo ATGT, ATLĐ và VSMT. 11. Nhà thầu phải hoàn thiện thủ tục hồ sơ quản lý chất lượng trong vòng 15 ngày sau khi hoàn thành công tác nghiệm thu hạng mục. 12. Trường hợp Nhà thầu bị 03 văn bản phê bình của Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu, đánh giá Nhà thầu không hoàn thành hợp đồng và thực hiện việc lựa chọn Nhà thầu khác thay thế theo quy định hiện hành.
	C. Quản lý chất lượng
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị, nhân sự: Vật tư, thiết bị đưa vào xây lắp công trình phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, tuân thủ những yêu cầu của gói thầu được nêu trong chỉ dẫn kỹ thuật/thuyết minh thiết kế và phù hợp với HSDT của nhà thầu, gồm: - Đối với thép xây dựng và xi măng phải có Giấy chứng chỉ chất lượng hoặc lý lịch lô sản phẩm và giấy tờ tương ứng.

	- Đối với nhựa đường phải có chứng chỉ chất lượng hoặc giấy tờ xuất xứ lô hàng, nguồn gốc. - Đối với các vật liệu xây dựng (VLXD) khai thác từ các mỏ thiên nhiên (cát, đá, đất) phải kê khai tên mỏ, địa điểm khai thác sản xuất VLXD cung cấp cho gói thầu. - Đối với nhựa đường: phải tuân thủ nghiêm ngặt công tác thí nghiệm, lưu mẫu nhựa, hỗn hợp BTN, tái chế theo quy định (đối với nhựa đường lấy mẫu lưu tất cả các chuyến hàng giao hàng ngày tại công trường, lập biên bản, ký xác nhận của các bên, khối lượng mỗi lần lưu đủ để tiến hành các thí nghiệm (khoảng 2kg/mẫu); đối với hỗn hợp BTN 01 mẫu/ngày sản xuất với khối lượng khoảng 15kg/mẫu, lấy mẫu tại mặt đường ngay khi mới rải (trước khi lu lèn). Mẫu lưu phải được niêm phong, ký xác nhận của các bên liên quan, thời hạn lưu mẫu là đến hết thời gian bảo hành công trình). - Các thiết bị lắp đặt vào công trình (mua sắm cho công trình này) nếu có phải xuất trình các loại giấy tờ: catalo, giấy tờ xuất, nhập khẩu, thuế nhập khẩu, hồ sơ lý lịch máy, hướng dẫn vận hành khai thác, bảo dưỡng và các chứng chỉ an toàn (nếu có quy định của pháp luật). - Các thiết bị thi công, xe máy chuyên dùng để thực hiện gói thầu mà pháp luật quy định phải có Giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 và số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ GTVT, các quy định khác của pháp luật thì nhà thầu phải đệ trình cho chủ đầu tư, tư vấn giám sát Giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ít nhất 10 ngày trước khi thi công hạng mục có sử dụng thiết bị thi công, xe máy chuyên dùng đó. - Nhà thầu phải huy động nhân sự theo đúng như đã đề xuất trong E-HSDT. - Trường hợp Nhà thầu không đáp ứng việc huy động vật tư vật liệu, nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện công trình thì Chủ đầu tư, Bên mời thầu có văn bản phê bình, nhắc nhở với Nhà thầu
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh
E-ĐKC 41.1	a) Giá hợp đồng: Được trượt giá. b) Nguyên tắc tính trượt giá của hợp đồng tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành và các điều khoản như sau: b1) Trượt giá hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực. b2) Trượt giá hợp đồng được thực hiện bằng cách điều chỉnh đơn giá hoặc tính trượt giá của hợp đồng như sau: - Việc điều chỉnh đơn giá được thực hiện từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại khoản c. Mục 41.1 E-ĐKC. Đối với phần giá trị tương ứng với mức tạm hợp đồng vượt mức tạm ứng tối thiểu là 15% theo quy định sẽ không được điều chỉnh giá kể từ thời điểm tạm ứng. - Giá Hợp đồng được điều chỉnh theo sự thay đổi của các chi phí đầu vào. Việc tính trượt giá Hợp đồng được thực hiện theo công thức điều chỉnh giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ

trường Bộ Xây dựng về điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng và các văn bản hướng dẫn bổ sung do các cơ quan có thẩm quyền ban hành được quy định như sau:

* Tính giá trị sau điều chỉnh giá: $G_{TT} = G_{HD} + G_{CL}$

- G_{TT} : Là giá thanh toán tương ứng cho các khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu trong khoảng thời gian “n” của cả hợp đồng, hoặc của hạng mục công trình, hoặc của loại công tác, hoặc của các yếu tố chi phí.

- G_{HD} : Là giá trong hợp đồng đã ký tương ứng với các khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu trong khoảng thời gian “n” của cả hợp đồng, hoặc của hạng mục công trình, hoặc của loại công tác, hoặc của yếu tố chi phí.

- G_{CL} : Là giá trị chênh lệch giữa giá vật liệu, nhân công và máy thi công trong khoảng thời gian “n” với giá vật liệu, nhân công và máy thi công tại thời điểm gốc cho toàn bộ khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu của cả hợp đồng, hoặc của hạng mục công trình, hoặc của khối lượng công việc theo giai đoạn thanh toán, hoặc của yếu tố chi phí.

$$G_{CL} = \sum_{i=0}^n Q_i \times (M_n - M_o) + \sum_{i=0}^n Q_i \times (L_n - L_o) + \sum_{i=0}^n Q_i \times (E_n - E_o)$$

Trong đó:

Q_i là khối lượng của loại vật liệu, nhân công, máy thi công thứ i trong khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu được phép điều chỉnh.

- $M_n, L_n, E_n, \dots$: Là giá tại thời điểm điều chỉnh tương ứng với mỗi loại chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công cho thời gian “n”, được xác định trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ thanh toán quy định trong hợp đồng. Giá tại thời điểm điều chỉnh được chọn là giá theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Giá được chọn sẽ là giá tại thời điểm có giá thấp nhất theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ thanh toán hàng tháng.

Trường hợp nguồn thông tin về giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có hoặc có nhưng không phù hợp với nội dung, tính chất công việc và các điều kiện cụ thể của hợp đồng thì các bên phải thỏa thuận, thống nhất tại hợp đồng về nguồn thông tin về giá sẽ được áp dụng.

- $M_o, L_o, E_o, \dots$: Là giá gốc tương ứng với mỗi loại chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công được xác định trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày đóng thầu và phải được các bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng. Giá tại thời điểm gốc được chọn là giá cao nhất trong các giá: giá trong hợp đồng, giá theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc giá trong dự toán gói thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với giá các loại vật liệu, nhân công, máy thi công không có trong công bố giá). Giá theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là giá cao nhất theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong khoảng thời gian 28 ngày trước đóng thầu.

c) Điều chỉnh tiến độ: Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:

- Trường hợp bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn: do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, dịch bệnh ... không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;

- Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;

- Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu

	gây ra. - Tạm dừng thực hiện thi công theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của các bên gây ra.
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng: Chủ đầu tư tạm ứng trước số tiền tối đa bằng 30% giá trị hợp đồng và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước nhưng không vượt quá kế hoạch vốn được giao cho dự án hàng năm. Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng được thu hồi từ lần nghiệm thu thanh toán đầu tiên và thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá hợp đồng đã ký hoặc không muộn hơn ngày 31/12 của năm kế hoạch. Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng tiền tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả. Trường hợp Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích, không đúng đối tượng, Chủ đầu tư sẽ thu hồi số tiền tạm ứng này. Chủ đầu tư có quyền đề nghị Nhà thầu chứng minh việc sử dụng kinh phí tạm ứng cho việc thực hiện hợp đồng; Trường hợp Nhà thầu không chứng minh được hoặc sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích, không đúng đối tượng, Chủ đầu tư sẽ thu hồi số tiền tạm ứng này. - Thời gian tạm ứng: không kéo dài quá 10 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị tạm ứng nêu trên và theo kế hoạch vốn được giao.
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: - Việc thanh toán phải phù hợp các điều kiện trong hợp đồng; - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản; - Nguồn vốn thanh toán và tiến độ thanh toán tuân theo kế hoạch bố trí vốn của dự án; trường hợp kế hoạch vốn của dự án chưa được bố trí, thì trong mọi trường hợp chủ đầu tư sẽ không phải trả chi phí tiền lãi nếu có đối với bất kỳ khoản thanh toán chậm của hợp đồng; - Số lần thanh toán hàng tháng: 01 lần/tháng. - Thời điểm và thời hạn thanh toán: Ngày hết hạn nộp hồ sơ thanh toán là ngày 28 hàng tháng, nhà thầu phải nộp giá trị khối lượng thanh toán của tháng cho Chủ đầu tư. - Tiến độ thanh toán được chia làm các lần và theo tình hình thực tế thực hiện và kế hoạch vốn được giao cho dự án hàng năm. - Thời hạn thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 21 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng, văn bản hướng dẫn cập nhật về công tác giải ngân của Cục ĐBVN, Khu QLDB IV (nếu có) và nhà thầu đã đảm bảo hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của hợp đồng; và trong mọi trường hợp chủ đầu tư sẽ không phải trả chi phí tiền lãi nếu có đối với bất kỳ khoản thanh toán chậm của hợp đồng; - Hồ sơ thanh toán/Chứng chỉ thanh toán tạm thời:

	(i) Biên bản nghiệm thu khối lượng thi công hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát, đại diện Nhà thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng thi công phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, phụ lục bảng giá hợp đồng, khối lượng thực tế thi công được nghiệm thu, hồ sơ chất lượng được tư vấn kiểm tra xác nhận và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật; Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, đại diện TVGS và đại diện Nhà thầu; (ii) Đề nghị thanh toán cần thể hiện các nội dung: giá trị thanh toán cuối kỳ trước, giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng tại kỳ thanh toán, giá trị tiền tạm ứng thu hồi, giá trị tiền tạm ứng chưa thu hồi, tiền giữ lại, giảm trừ phạt trừ (nếu có)... giá trị Nhà thầu thực nhận đảm bảo phù hợp với điều kiện hợp đồng và được xác nhận của Nhà thầu, tư vấn giám sát, Chủ đầu tư. - Chủ đầu tư có quyền xem xét tạm dừng thanh toán trong trường hợp phát hiện Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định, điều kiện hợp đồng; việc Nhà thầu chưa hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, trì hoãn kéo dài việc khắc phục các sai sót, các vi phạm làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, an toàn, đem đến các rủi ro cho chủ đầu tư, ảnh hưởng đến uy tín Chủ đầu tư, Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp xử lý vi phạm theo quy định của hợp đồng. - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư nhận thấy khả năng cung ứng tài chính của Nhà thầu độc lập hoặc bất kỳ thành viên liên danh nào cho gói thầu không đáp ứng, không đủ dòng tiền để triển khai thi công thì Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu mở một tài khoản tại một Ngân hàng do Chủ đầu tư chỉ định để chi cho gói thầu này. - Trong quá trình thi công xây dựng công trình đến khi hoàn thành bàn giao hết bảo hành công trình, trường hợp vật liệu, sản phẩm xây dựng, công trình xây dựng có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, Chủ đầu tư sẽ tổ chức thuê đơn vị tư vấn kiểm định chất lượng công trình hoặc thí nghiệm đối chứng. Trường hợp kết quả kiểm định chứng minh lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí thực hiện kiểm định theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Chi phí chi trả cho tư vấn kiểm định (theo quy định) sẽ được Chủ đầu tư khấu trừ từ hồ sơ thanh toán của nhà thầu hoặc từ phần kinh phí bảo hành giữ lại.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Được phép Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 0%.
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: - Theo quy định của Luật Xây dựng và pháp luật khác có liên quan;

	- Trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu huy động bổ sung nhân sự, thiết bị, tăng mũi thi công để đáp ứng mốc tiến độ hoàn thành theo yêu cầu.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: - Phạt vi phạm hợp đồng đối với Nhà thầu: tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng, kinh phí phạt được khấu trừ vào hồ sơ thanh toán của Nhà thầu; trường hợp Nhà thầu là liên danh sẽ khấu trừ theo tỷ lệ tương ứng với công việc đảm nhận hoặc tương ứng vi phạm của từng thành viên liên danh (trường hợp xác định vi phạm độc lập). - Số tiền phạt đối với các lỗi vi phạm của nhà thầu sẽ được trừ vào giá trị nghiệm thu thanh toán trong lần thanh toán kế tiếp lần vi phạm đó. 1. Nhà thầu vi phạm về thời gian thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Chủ đầu tư gây ra thì sẽ bị xử lý vi phạm theo các mức như sau: - Vi phạm lần 1: Thi công chậm tiến độ 07 ngày theo tiến độ chi tiết do Nhà thầu lập được Chủ đầu tư phê duyệt thì Chủ đầu tư sẽ ra văn bản phê bình, yêu cầu nhà thầu khắc phục thi công bù tiến độ và Nhà thầu sẽ chịu phạt 2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. - Vi phạm lần 2: Sau khi vi phạm lần 1, nếu tiếp tục thi công chậm tiến độ 07 ngày tiếp thì CĐT sẽ ra văn bản khiển trách, yêu cầu Nhà thầu khắc phục thi công bù tiến độ và Nhà thầu sẽ chịu phạt 4% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. - Vi phạm lần 3: Sau khi vi phạm lần 2, nếu tiếp tục thi công chậm tiến độ 07 ngày tiếp thì CĐT sẽ ra văn bản cảnh cáo, xem xét việc bổ sung nhà thầu phụ; điều chuyển khối lượng trong liên danh (nếu có) hoặc chấm dứt hợp đồng để lựa chọn Nhà thầu mới thay thế và Nhà thầu sẽ chịu phạt 6% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm, đồng thời sẽ bị đánh giá “Không đạt” trong nội dung uy tín của Nhà thầu khi tham gia đấu thầu các gói thầu tiếp theo do Khu QLDB IV làm CĐT. - Ngoài các hình thức xử lý trên Nhà thầu còn phải bồi thường, đền bù thiệt hại theo quy định của hợp đồng và các quy định của Pháp luật hiện hành; chịu mọi chi phí phát sinh do kéo dài tiến độ thi công. 2. Vi phạm về tiến độ thực hiện hợp đồng do lỗi chủ quan của Nhà thầu: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tùy theo mức độ vi phạm mà Chủ đầu tư có văn bản từ đơn đốc, chấn chỉnh, đến Phê bình và cao nhất là Cảnh cáo. Nhà thầu sẽ bị văn bản Cảnh cáo trong các trường hợp sau: i/Vi phạm lặp lại của Nhà thầu đến lần thứ 3 trở đi (đã bị 2 văn bản Phê bình trước đây); ii/Chậm tiến độ thực hiện gói thầu quá 20% thời gian thực hiện gói thầu. Việc vi phạm chất lượng của Nhà thầu sẽ bị xử lý như sau: a) Vi phạm lần đầu: bất kỳ khi nào Nhà thầu được xác định chậm tiến độ so với Biểu tiến độ thi công chi tiết, Chủ đầu tư sẽ đưa ra thông báo đơn đốc, nhắc nhở Nhà thầu. Trong vòng không quá 05 ngày từ khi có thông báo, Nhà thầu có trách nhiệm gửi văn bản trình Chủ đầu tư để xem xét, chấp thuận về Biểu tiến độ thi công chi tiết được cập nhật điều chỉnh, đồng thời có cam kết cụ thể về biện pháp khắc phục, đẩy nhanh để bù tiến độ.

b) Vi phạm từ lần thứ 2: từ khi xác định việc vi phạm tiến độ lần thứ 2 trở đi, Chủ đầu tư thông báo và kiểm tra tiến độ thực hiện theo cam kết của Nhà thầu, nếu thấy Nhà thầu vẫn tiếp tục vi phạm về tiến độ và các cam kết về biện pháp khắc phục, Chủ đầu tư sẽ đưa ra văn bản phê bình Nhà thầu. Trong vòng không quá 05 ngày từ khi có văn bản thông báo, Nhà thầu có trách nhiệm gửi văn bản trình Chủ đầu tư để xem xét, chấp thuận về Biểu tiến độ thi công chi tiết được cập nhật điều chỉnh, có cam kết cụ thể về biện pháp khắc phục, đẩy nhanh để bù tiến độ (tăng mũi thi công, dây chuyền thiết bị; tăng cường nhân sự, tài chính; ...), đồng thời cam kết sẽ bị đánh giá về uy tín nếu tiếp tục vi phạm tiến độ.

c) Vi phạm tiến độ nghiêm trọng:

- Sau khi Nhà thầu vi phạm tiến độ mà đã bị đến 02 văn bản phê bình của Chủ đầu tư hoặc trong khoảng quá 70% thời gian thực hiện gói thầu mà Nhà thầu không có sự nỗ lực, hợp tác hoặc được xác định chậm tiến độ đáng kể, không có khả năng hoàn thành đúng tiến độ thực hiện gói thầu, Chủ đầu tư sẽ đưa ra văn bản cảnh cáo Nhà thầu.

- Trong vòng không quá 03 ngày từ khi có văn bản, Nhà thầu có trách nhiệm gửi văn bản trình Chủ đầu tư để xem xét, chấp thuận về Biểu tiến độ thi công chi tiết được cập nhật điều chỉnh, có cam kết cụ thể về biện pháp khắc phục, đẩy nhanh để bù tiến độ (tăng mũi thi công, dây chuyền thiết bị; tăng cường nhân sự, tài chính; ...).

- Trường hợp thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ của gói thầu mà các thành viên còn lại không có biện pháp hỗ trợ để tiếp tục thực hiện hợp đồng thì xử lý như sau: i/ Phạt hợp đồng theo quy định trong hợp đồng đối với tất cả các thành viên liên danh; ii/ Tịch thu giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng của tất cả thành viên liên danh; iii/ Chấm dứt hợp đồng với thành viên của liên danh mà vi phạm hợp đồng; iv/ Phân công việc của thành viên vi phạm được giao cho các thành viên còn lại thực hiện nếu các thành viên này đủ năng lực, kinh nghiệm. Trong trường hợp này, các thành viên còn lại phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng mới tương ứng với giá trị phân công việc chưa thực hiện của gói thầu.

- Trường hợp Nhà thầu thực hiện gói thầu vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, của gói thầu thì Chủ đầu tư xem xét, báo cáo người có thẩm quyền quyết định cho phép chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu đó; Nhà thầu vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng. Đối với phần công việc chưa thực hiện được áp dụng hình thức chỉ định thầu cho nhà thầu khác với giá trị được tính bằng giá trị ghi trong hợp đồng trừ đi giá trị của phần công việc đã thực hiện, được nghiệm thu trước đó hoặc hình thành gói thầu mới để tổ chức lựa chọn nhà thầu.

3. Phạt vi phạm về chất lượng:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tùy theo mức độ vi phạm mà Chủ đầu tư có văn bản từ chấn chỉnh, đến Phê bình và cao nhất là Cảnh cáo. Nhà thầu sẽ bị văn bản Cảnh cáo trong các trường hợp sau: i/Vi phạm nghiêm trọng có giá trị trên 15% giá trị hợp đồng; ii/Cố tình vi phạm nghiêm trọng về chất lượng; iii/Hệ thống quản lý chất lượng của Nhà thầu không đúng quy định, tiềm ẩn và đã bắt đầu có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm

trọng đến chất lượng công trình. Việc chậm tiến độ thi công của Nhà thầu sẽ bị xử lý như sau:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư phát hiện công trình, hạng mục công trình không đảm bảo chất lượng, Chủ đầu tư sẽ có văn bản yêu cầu Nhà thầu khắc phục, sửa chữa.

- Kể từ ngày có văn bản yêu cầu Nhà thầu khắc phục, sửa chữa, nếu sau 07 ngày đối với các hạng mục có liên quan đến công tác đảm bảo ATGT, hạng mục trên tuyến đường quan trọng, lưu lượng giao thông lớn và sau 21 ngày đối với các hạng mục thông thường mà Nhà thầu không khắc phục, sửa chữa hoàn toàn hư hỏng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của dự án thì Chủ đầu tư sẽ đưa ra văn bản phê bình nhà thầu.

- Trường hợp thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng của gói thầu mà các thành viên còn lại không có biện pháp hỗ trợ để tiếp tục thực hiện hợp đồng thì xử lý như sau: i/ Phạt hợp đồng theo quy định trong hợp đồng đối với tất cả các thành viên liên danh; ii/ Tịch thu giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng của tất cả thành viên liên danh; iii/ Chấm dứt hợp đồng với thành viên của liên danh mà vi phạm hợp đồng; iv/ Phần công việc của thành viên vi phạm được giao cho các thành viên còn lại thực hiện nếu các thành viên này đủ năng lực, kinh nghiệm. Trong trường hợp này, các thành viên còn lại phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng mới tương ứng với giá trị phần công việc chưa thực hiện của gói thầu.

- Trường hợp Nhà thầu thực hiện gói thầu vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng của gói thầu thì Chủ đầu tư xem xét, báo cáo người có thẩm quyền quyết định cho phép chấm dứt hợp đồng với nhà thầu đó; nhà thầu vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng. Đối với phần công việc chưa thực hiện được áp dụng hình thức chỉ định thầu cho nhà thầu khác với giá trị được tính bằng giá trị ghi trong hợp đồng trừ đi giá trị của phần công việc đã thực hiện, được nghiệm thu trước đó hoặc hình thành gói thầu mới để tổ chức lựa chọn nhà thầu..

4. Đánh giá về uy tín:

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng (giai đoạn thi công và giai đoạn bảo hành) mà Nhà thầu có vi phạm chất lượng, tiến độ mà đã bị Chủ đầu tư có quá 03 văn bản cảnh cáo) thì Nhà thầu sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín và tùy mức độ vi phạm mà Chủ đầu tư có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng và sẽ được coi là không hoàn thành hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, Nhà thầu đang có nghĩa vụ trong giai đoạn bảo hành mà phải sửa chữa các vi phạm về chất lượng công trình (do lỗi của Nhà thầu), bị Chủ đầu tư có quá 03 văn bản yêu cầu khắc phục mà Nhà thầu chây ỳ, chậm/chưa khắc phục triệt để các hư hỏng, thì đánh giá nhà thầu không hoàn thành hợp đồng thì sẽ được coi là không hoàn thành hợp đồng

5. Phạt vi phạm khác:

- Trường hợp Nhà thầu thi công không thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo An toàn giao thông, An toàn lao động và Vệ sinh môi trường theo đúng quy định trong hợp đồng, ngoài việc phải khẩn trương khắc phục các vi phạm, Nhà thầu sẽ bị phạt với giá trị bằng tối thiểu 05 triệu đồng (hoặc

	10% chi phí công tác ĐBGT) cho mỗi lần vi phạm mà Chủ đầu tư/cơ quan có thẩm quyền có văn bản phê bình, chấn chỉnh nhắc nhở. - Trường hợp Nhà thầu huy động nhân sự không đúng quy định và thiết bị chủ yếu không đảm bảo yêu cầu, khác với chấp thuận, ngoài việc phải khẩn trương khắc phục, Nhà thầu sẽ bị phạt với giá trị bằng 05 triệu đồng cho mỗi lần vi phạm mà Chủ đầu tư có văn bản phê bình, chấn chỉnh nhắc nhở. - Nếu chỉ huy trưởng công trường bị Phê bình quá 03 lần bằng văn bản của Chủ đầu tư thì ngoài việc Nhà thầu bị phạt với giá trị như quy định ở trên, Nhà thầu sẽ phải thay thế chỉ huy trưởng công trường khác. 6. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Nhà thầu có các hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định 16/2022/NĐ-CP mà bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng thì Nhà thầu còn phải có trách nhiệm nộp phạt theo quy định.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Không áp dụng
E-ĐKC 49.3	Thuởng hợp đồng: Không áp dụng
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: 30 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu hoàn thành. Sau khi hoàn thành công trình, Nhà thầu phải thực hiện hoàn thiện hồ sơ hoàn công, làm các thủ tục nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng theo mốc thời gian nêu trên. Trường hợp ngoài thời gian quy định nêu trên, Nhà thầu phải thực hiện việc quản lý, bảo dưỡng thường xuyên theo các quy định của pháp luật bằng kinh phí của nhà thầu. * Yêu cầu về bảo hành công trình: Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải: + Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 24 tháng kể từ ngày công trình được bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng; + Tiền bảo hành công trình là 5% (năm phần trăm) bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Khu Quản lý đường bộ IV. + Sau khi hết thời hạn bảo hành, Nhà thầu phải tiến hành nghiệm thu hết bảo hành với Chủ đầu tư. - Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Sau khi có thông báo của Chủ đầu tư, đối với các hạng mục ảnh hưởng, có nguy cơ gây mất ATGT Nhà thầu phải có hành động ngay lập tức để cảnh báo hạn chế mất ATGT và thực hiện hoàn thành khắc phục tạm thời trong vòng 03 ngày để đảm bảo người, phương tiện lưu thông thuận tiện, hoàn thành việc sửa chữa các lỗi hư hỏng trong vòng 07 ngày đối với các hạng mục có liên quan đến công tác đảm bảo ATGT, hạng mục trên tuyến đường quan trọng, lưu lượng giao thông lớn và trong vòng 21 ngày đối với các hạng mục thông thường. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các

	công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên. Trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ chấp thuận bị đánh giá là không hoàn thành Hợp đồng, qua đó sẽ bị cấm không tham gia đấu thầu các dự án do Cục ĐBVN quản lý. - Đối với hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình, trong quá trình thi công sửa chữa có khiếm khuyết về chất lượng hoặc xảy ra sự cố, hư hỏng đã được nhà thầu sửa chữa, khắc phục thì thời gian bảo hành đối với khối lượng, số lượng phải sửa chữa khắc phục lại được xác định như sau: i/Thời gian bảo hành bổ sung đối với các khối lượng sửa chữa không ít hơn 12 tháng nhưng không được kết thúc trước thời gian bảo hành của hợp đồng; ii/Hạng mục công việc có $\geq 15\%$ khối lượng phải sửa chữa trong thời hạn bảo hành, hoặc hạng mục có vi phạm chất lượng nghiêm trọng thì thời hạn bảo hành đối với khối lượng làm lại được tính từ khi hoàn thành việc sửa chữa lại (được Chủ đầu tư/Ban QLDA, Tư vấn giám sát xác nhận); - Nhà thầu thi công xây dựng chịu trách nhiệm về chất lượng đối với phần việc do mình thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành. Trường hợp có tranh chấp giữa Nhà thầu với cơ quan quản lý, Chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị giám định, kiểm định, đánh giá chất lượng để xác định rõ trách nhiệm của các bên. Nếu lỗi do Nhà thầu thì Nhà thầu phải chịu cả chi phí giám định, kiểm định, đánh giá. - Xử lý khi nhà thầu vi phạm chất lượng: Nhà thầu thi công có vi phạm chất lượng, ngoài việc phải sửa chữa trong thời gian bảo hành, còn bị xem xét về uy tín của nhà thầu khi đánh giá lựa chọn nhà thầu trong các dự án khác của Cục ĐBVN. - Chủ đầu tư có quyền tiếp tục giữ lại một phần giá trị tiền bảo hành công trình quá thời gian bảo hành theo quy định, tương ứng với giá trị phải sửa chữa nếu việc sửa chữa chưa đảm bảo chất lượng, số tiền này sẽ được trả cho Nhà thầu sau khi Chủ đầu tư khẳng định được việc sửa chữa đã đảm bảo chất lượng. - Nghiệm thu hết bảo hành: Sau khi hết thời hạn bảo hành, nhà thầu phải tiến hành nghiệm thu hết bảo hành với Chủ đầu tư.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Nhà thầu phải hoàn thành và nộp cho Chủ đầu tư bản vẽ hoàn công theo quy định của pháp luật hiện hành (hồ sơ, tài liệu bản giấy, gồm cả bản scan (định dạng file PDF)) trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành công trình. Nếu sau 15 ngày kể từ ngày hoàn thành công trình mà Nhà thầu không hoàn thành các công việc nội nghiệp theo tiến độ yêu cầu (cung cấp đủ Hồ sơ quyết toán hoàn thành công trình) khi đó sẽ bị coi là Nhà thầu đang vi phạm, không hoàn thành hợp đồng và Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng số tiền giữ lại để thuê hoàn thiện, bổ sung các nội dung còn thiếu.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 0%.

E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 15 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.
----------------------	---